

Bản án số: **02/2026/DS-ST**

Ngày: 06 - 4 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X – THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Huân và ông Lý Văn Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thùy Chung, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-DS ngày 06/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lý Văn G, sinh năm 19xx (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Đàm Văn T, sinh năm 19xx (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Tổ Z, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đàm Văn K, sinh năm 19xx (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – Anh Lý Văn G trình bày:

Năm 2016, Anh G với anh Đàm Văn T có được trao đổi, thỏa thuận qua điện thoại di động về việc anh G chở 09 xe cát sỏi cho anh T đến địa điểm thôn N, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên); Mỗi xe ô tô cát sỏi chở đến thôn N, xã C có khối lượng là 06m³/xe; đơn giá là 1.400.000đ/xe; người nhận là anh Đàm Văn K. Khi thỏa thuận mua bán cát sỏi thì các bên không lập thành văn bản; không thỏa thuận thời điểm trả và lãi chậm trả tiền. Trên cơ sở của thỏa thuận trên thì anh G đã chở đủ 09 xe cát sỏi tới thôn N cho anh T và được anh Đàm Văn K là anh trai ruột của anh T đứng ra nhận và lập văn bản chốt tổng số cát sỏi.

Sau đó vào khoảng tháng 11, tháng 12 năm 2022 thì anh T đã trả tiền mặt cho anh số tiền là 2.800.000đ/12m³/02 xe. Số tiền còn là 9.800.000đ/42m³ cát sỏi/07xe thì cho tới nay anh T không trả sau khi được anh G gọi điện nhắc nhở nhiều lần. Do anh T không trả nên năm 2024 anh G đã khởi kiện đến Tòa án nhưng sau đó anh T nhắn tin cho anh và hai bên thống nhất anh T trả cho anh G tiền xăng dầu với số tiền là 3.500.000đ nên anh G đã gửi cho anh T số tài khoản và rút đơn khởi kiện. Mặc dù đã thuận như vậy nhưng anh T vẫn không thực hiện nên anh G tiếp tục khởi kiện anh T và yêu cầu anh T phải trả cho anh G số dư nợ gốc là 9.800.000đ và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 01/10/2016 đến ngày 01/10/2025 theo lãi suất ngân hàng là 0,98%/tháng là 9.420.000đ. Trước khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên Tòa anh G xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền lãi trên nợ gốc, chỉ yêu cầu anh T phải trả số dư nợ gốc là 9.800.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh G bổ sung yêu cầu khởi kiện, thay đổi tư cách người tham gia tố tụng được anh Đàm Văn T chấp nhận.

- Về án phí đề nghị tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn– Anh Đàm Văn T trình bày:

Anh Đàm Văn T là em trai ruột của anh K. Anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án bổ sung số 22/TB-TLVABS ngày 11/11/2025 của Tòa án và nhất trí với nội dung của thông báo, anh Đàm Văn T là bị đơn trong vụ án và không có yêu cầu phản tố. Chỉ yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định là cát hay sỏi. Anh T có quan điểm: Anh K không liên quan đến việc mua bán với anh G. Do vậy, anh T nhất trí thực hiện toàn bộ nghĩa vụ với anh G nếu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh G và không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ liên đới của anh Đàm Văn Khởi với anh T.

Về nội dung tranh chấp: Trong hợp đồng mua bán cát sỏi thì anh T là người trực tiếp thỏa thuận mua bán sỏi với anh G; anh K chỉ là người nhận các xe sỏi do anh G vận chuyển đến. Số tiền dự định thanh toán tiền mua sỏi với anh G là của riêng anh T không liên quan đến vợ anh T. Mục đích anh T mua sỏi làm tấm bê tông có kích cỡ 1m x 1m để lót bờ ao. Khi làm tấm bê tông thì cần sỏi, cát sạch, xi măng. Khi thỏa thuận mua bán cát sỏi thì anh T đã thỏa thuận mua sỏi thay đá 1x2 để phục vụ cho công trình xây dựng ao của anh T. Số lượng mua từ 03 đến 04 xe sỏi, mỗi xe khoảng 3m³; phương thức giao hàng: anh G phải chở hàng đến địa điểm là thôn N, xã D cũ; người nhận: là anh Đàm Văn K; giá mỗi xe ô tô sỏi: 1.400.000đ/xe sỏi. Sau khi thỏa thuận mua sỏi với anh G thì không có thỏa thuận về trách nhiệm của anh K khi nhận hàng về chất lượng, số lượng hàng. Khi nhờ anh K nhận hàng hộ chỉ nhờ anh K nhận các chuyến cát sỏi do anh G chở đến và không được anh T nói cho anh K biết là cát hay sỏi

Khi thỏa thuận mua bán sỏi với anh G không lập giấy tờ và không có ai làm chứng và được thỏa thuận trực tiếp bằng lời nói. Về giấy chốt nợ do anh G nộp cho Tòa án vì lâu quá rồi nên không nhớ là thỏa thuận mua với anh G mấy xe, nhưng bản thân anh đã trả tiền cho anh G 02 xe ô tô sỏi đầu tiên nhưng không nhớ là bao nhiêu tiền và đã bảo anh G chở tiếp nhưng phải là sỏi nhưng

anh G chở đến không đúng yêu cầu, cát không hẵn cát, sỏi không hẵn sỏi. Thời gian cụ thể phát hiện anh G chở cát lẫn sỏi không đúng yêu cầu thì anh không nhớ, chỉ nhớ là sau khi trả tiền cho hai xe đầu tiên được khoảng 01 tháng thì anh T về nhà phát hiện các xe ô tô anh G chở đến không đạt yêu cầu. Khi thấy anh G chở cát lẫn sỏi, anh T chỉ bảo anh K nhận hàng khi anh G chở đến nhưng không cần dặn anh K kiểm tra có đúng là sỏi hay không vì anh T đã thỏa thuận với anh G là lấy sỏi và cũng không lập biên bản với anh G về việc anh G giao sỏi không đạt yêu cầu. Thời gian anh G chở xong hàng cho anh thì anh T không nhớ. Việc anh G có ý kiến: Sau khi hoàn thiện chở đủ 09 xe cát cho anh T vào tháng 10/2017 đến khoảng năm 2021 anh T đi viện đã yêu cầu anh T trả tiền và anh T đã trả tiền 2.800.000đ cho 02 xe ô tô tại bến xe Bắc Kạn thì anh T chỉ nhớ khi về đến nhà thì gặp anh G chở chuyển xe thứ hai đến thì anh T trả tiền cho anh G; năm 2024 anh G có khởi kiện anh tại Tòa án thì anh G có xin anh T tiền dầu xe nên anh T có trao đổi qua điện thoại và được anh G gửi số tài khoản để anh chuyển tiền cho anh G nếu anh nhất trí. Nhưng anh không nhất trí nên anh không chuyển tiền cho anh G.

Anh T nhất trí tổng khối lượng cát sỏi anh G đã bán cho anh là 09 xe cát với tổng khối lượng là 54m³/09 xe ô tô với giá là 1.400.000đ/xe ô tô cát sỏi và anh T đã trả cho anh G số tiền 2.800.000đ/02 xe ô tô. Nhưng do anh G chở cát lẫn sỏi không đúng yêu cầu nên anh T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh G đối với 07 xe ô tô cát sỏi còn lại.

3. Tại biên bản lấy lời khai - Anh Đàm Văn K trình bày: Anh K đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh G bởi vì anh K không phải là người trực tiếp thỏa thuận mua bán cát sỏi với anh G. Anh K chỉ là người được anh T giao trách nhiệm nhận các chuyển xe cát sỏi do anh G vận chuyển đến nhưng không giao cho việc kiểm tra, giám sát chất lượng, số lượng cát sỏi. Đối với giấy chốt nợ do anh G nộp cho Tòa án thì anh K thừa nhận đã ký nhận trong giấy chốt nợ là anh Giáo đã chở đến 09 xe ô tô cát, anh T đã thanh toán tiền cho 02 xe ô tô cát, còn 07 xe ô tô cát chưa được anh T trả tiền do không đúng yêu cầu của anh T. Anh K chỉ là người nhận hàng thay cho anh T nên vợ anh K không liên quan. Anh K nhất trí với quan điểm giải quyết vụ án của anh T và không đến Tòa án để làm việc vì anh K không liên quan gì đến vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành thông báo, giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do vậy, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật

4. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng theo quy định về nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của

pháp luật tố tụng dân sự, Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án:

Tháng 5 năm 2016, anh Lý Văn G đã vận chuyển cho anh Đàm Văn T 09 xe cát sỏi với khối lượng 54m³ với đơn giá là 1.400.000đ/06m³. Trong quá trình mua bán thì anh T đã trả cho anh Giáo số tiền 2.800.000đ. Số tiền còn lại anh T phải trả cho anh G là 9.800.000đ. Việc mua bán tài sản giữa các đương sự là hợp pháp.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 430, 434, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 9.800.000đ là có cơ sở; ghi nhận việc nguyên đơn rút phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 9.800.000đ.

+ Đình chỉ yêu cầu anh Đàm Văn K phải có nghĩa vụ liên đới với anh Đàm Văn T trả số tiền 9.800.000đ cho anh Lý Văn G và đình chỉ phần yêu cầu tính lãi trên số tiền 9.800.000đ của anh Lý Văn G.

- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Án phí dân sự đối với các đương sự được giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện; bị đơn không có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” và đều có địa chỉ tại xã C, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực X - Thái Nguyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Đối với việc nguyên đơn thay đổi người bị kiện: Trước phiên tòa và tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu bổ sung buộc anh Đàm Văn T, Đàm Văn K phải có nghĩa vụ trả số tiền dư nợ gốc là 9.800.000đ và tiền lãi là 9.420.000đ. Tuy nhiên sau đó, nguyên đơn có yêu cầu đề nghị thay đổi người bị kiện với nội dung rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Đàm Văn K và giữ nguyên người bị kiện là anh Đàm Văn T và được anh T nhất trí. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thay đổi tư cách người tham gia tố tụng của các đương sự là tự nguyện, đồng thời xét thấy đưa anh Đàm Văn K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có sở theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Trước phiên tòa và

tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu anh Đàm Văn K phải liên đới trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 9.800.000đ; không yêu cầu anh K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc cho anh G. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nói trên của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nói trên của nguyên đơn và đình chỉ đối với phần rút yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc 9.800.000đ và không yêu cầu anh K có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ gốc cho anh G theo Điều 244 BLTTDS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do mặc dù đã được tòa án thông báo triệu tập hợp lệ. Người tham gia tố tụng có mặt và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án quyết định phiên tòa tiếp tục xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227 BLTTDS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của đương sự là có căn cứ và hợp pháp: Các đương sự không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của họ là có căn cứ và hợp pháp thì họ phải tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 6 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Năm 2016, anh G với anh Đàm Văn T đã trao đổi, thỏa thuận về việc anh Gi chở 09 xe cát sỏi cho anh T đến địa điểm thôn N, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên). Mỗi xe ô tô cát sỏi chở đến thôn N, xã C có khối lượng là 06m³/xe ô tô; đơn giá là 1.400.000đ/xe ô tô; người nhận là anh Đàm Văn K. Khi thỏa thuận mua bán cát sỏi thì các bên không lập thành văn bản; không thỏa thuận thời điểm trả và lãi chậm trả tiền. Trên cơ sở của thỏa thuận trên thì anh G đã chở đủ 09 xe ô tô cát sỏi tới thôn N cho anh T và được anh Đàm Văn K là anh trai ruột của anh T đứng ra nhận và lập văn bản chốt tổng số cát sỏi. Sau đó vào khoảng tháng 11, tháng 12 năm 2022 thì anh T đã trả tiền mặt cho anh G số tiền là 2.800.000đ/12m³/02 xe; số tiền anh T còn phải trả là 9.800.000đ/42m³ cát sỏi/07xe ô tô. Từ khoảng tháng 11, 12 năm 2022 cho đến nay anh G đã đôn đốc anh T nhiều lần về thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng anh T không trả. Năm 2024 anh G đã khởi kiện đến Tòa án nhưng sau đó các đương sự nhắn tin và thống nhất anh T trả cho anh G tiền xăng dầu với số tiền là 3.500.000đ nên anh G đã gửi số tài khoản cho anh T với mục đích để anh T chuyển tiền và rút đơn khởi kiện. Mặc dù đã thỏa thuận như vậy nhưng anh T vẫn không thực hiện nên anh Gi tiếp tục khởi kiện anh T và yêu cầu anh T phải trả cho anh G số dư nợ gốc là 9.800.000đ và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 01/10/2016 đến ngày 01/10/2025 theo lãi suất ngân hàng là 0,98%/tháng là 9.420.000đ. Trước khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, anh G xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền lãi trên nợ gốc, chỉ yêu cầu anh T phải trả số dư nợ gốc là 9.800.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Anh G đã chở đủ 09 xe ô tô cát sỏi có tổng khối lượng là 54m^3 với số tiền là 1.400.000đ/ 6m^3 . Anh T đã trả cho anh G số tiền 2.800.000đ/ 12m^3 . Tính đến ngày xét xử anh Đàm Văn T còn nợ anh G số tiền 9.800.000đ không tính lãi tương ứng với 42m^3 cát sỏi. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G.

[2.3] Về quan điểm giải quyết vụ án của bị đơn:

Anh Đàm Văn T là em trai ruột của anh K. Anh T thừa nhận: Tiền mua các xe cát sỏi dự tính là của cá nhân anh T, không liên quan đến vợ anh T; anh T và anh G đã thỏa thuận anh G chở cho anh T 9 xe cát sỏi với tổng khối lượng là $54\text{m}^3/9$ xe ô tô với giá là 1.400.000đ/xe ô tô cát sỏi về địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; anh T giao cho anh Đàm Văn K trực tiếp nhận hàng với anh G nhưng không giao cho anh K kiểm tra, chất lượng các xe cát sỏi do anh G đã chuyển đến nên anh K chỉ ký nhận vào giấy chốt nợ là đã nhận đủ 09 xe cát sỏi; anh T đã trả số tiền là 2.800.000đ cho 02 xe cát sỏi đầu tiên, 07 xe cát sỏi vẫn còn để tại chỗ chưa sử dụng; khi phát hiện anh G chở sỏi lẫn cát giao cho anh T nhưng các đương sự không lập biên bản về việc anh G vi phạm thỏa thuận chở sỏi lẫn cát; việc mua sỏi chỉ liên quan giữa anh T với anh G chứ không liên quan đến anh K, do vậy, anh T nhất trí thực hiện toàn bộ nghĩa vụ với anh G nếu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh G và không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ liên đới của anh Đàm Văn K với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc anh T chỉ thỏa thuận với anh G về việc anh T chỉ mua sỏi chứ không mua sỏi lẫn cát là hợp pháp có căn cứ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh T đã có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và anh T đã ký nhận thông báo nộp tiền chi phí tố tụng nhưng quá thời hạn nộp tạm ứng chi phí tố tụng thì anh T không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo yêu cầu của Tòa án.

Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định: Cá nhân anh Đàm Văn T đã có thỏa thuận mua cát sỏi với anh G. Hiện nay anh T còn nợ anh G 07 xe cát sỏi tương ứng với khối lượng cát sỏi là 42m^3 có giá trị là 9.800.000đ. Không xem xét nghĩa vụ liên đới của anh Đàm Văn K với anh Đàm Văn T.

[2.3] Về quan điểm giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đàm Văn K không phải là người trực tiếp thỏa thuận mua bán cát sỏi với anh G. Anh K chỉ là người được anh T giao trách nhiệm nhận các chuyến xe cát sỏi do anh G vận chuyển đến nhưng không giao cho việc kiểm tra, giám sát chất lượng, số lượng cát sỏi. Đối với giấy chốt nợ do anh G nộp cho Tòa án thì anh K thừa nhận đã ký nhận trong giấy chốt nợ là anh G đã chở đến 09 xe ô tô cát, anh T đã thanh toán tiền cho 02 xe ô tô cát, còn 07 xe ô tô cát chưa được anh T trả tiền là do không đúng yêu cầu của anh T. Anh K chỉ là người nhận hàng thay cho anh T nên vợ anh K không liên quan. Anh K nhất trí với quan điểm giải quyết vụ án của anh T và không đến Tòa án để làm việc vì anh K không liên quan gì đến vụ án.

Ngày 07/01/2026, Tòa án đã ban hành Thông báo kết quả về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và anh Đàm Văn T đã nhận được Thông báo nói trên theo Phiếu báo phát số RF266569711VN ngày 10/01/2026 nhưng không có ý kiến gì.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận:

- Hợp đồng mua bán cát sỏi giữa anh Đàm Văn T với anh Lý Văn G không được lập thành văn bản. Thực tế anh G đã chở giao cho anh T 54m³ cát sỏi và anh T đã sử dụng hết 02 xe cát lẫn sỏi mà anh G đã giao cho anh T. Khối lượng cát sỏi anh T chưa trả tiền cho anh G là 42m³ tương ứng với số tiền là 9.800.000đ không tính lãi. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G, buộc cá nhân anh Đàm Văn T phải có nghĩa vụ trả cho anh Lý Văn G số tiền 9.800.000đ không tính lãi.

- Do anh Đàm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ liên đới của anh Đàm Văn K nên nghĩa vụ liên đới của anh K với anh T không được xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn; bị đơn không có yêu cầu phản tố phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực X tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 6, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 68; Điều 72; 147, 227; 243; 244; 271; 273; 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 288, 430, 432, 433, 434, 435, 436, 440, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" của anh Lý Văn G với anh Đàm Văn T.

Buộc anh Đàm Văn T phải trả cho anh Lý Văn G số tiền 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về nghĩa vụ liên đới: Do anh Đàm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ liên đới của anh Đàm Văn K nên nghĩa vụ liên đới của anh K với anh Đàm Văn T không được xem xét giải quyết.

3. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu tính lãi trên số tiền dư nợ gốc 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng) của anh Lý Văn G và không yêu cầu anh K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc cho anh G. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng) của anh Lý Văn G với anh Đàm Văn T, Đàm Văn K và đình chỉ yêu cầu anh K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng) cho anh G. Đương sự có quyền khởi kiện lại về yêu cầu tính lãi và nghĩa vụ liên đới của anh Đàm Văn K theo quy tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lý Văn G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh G số tiền tạm ứng án dân sự đã nộp là 480.000đ (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001306 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Buộc anh Đàm Văn T phải chịu 490.000đ (Bốn trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn anh Lý Văn G có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đàm Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đàm Văn K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các Đương Sự;
- VKND khu vực 8;
- VKND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS;
- Lưu HSSV, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

TRẦN QUANG HÒA